TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2026
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thi

2. Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXX-ST ngày 25/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Huyền A; địa chỉ: HH1-1620 chung cư Đ, phường G, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Võ Thị Huyền A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2010, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (nay là phường An Hải, thành phố Hải Phòng) năm 2020. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn đã được hòa giải nhưng không đem lại kết quả; đã sống ly thân từ năm 2024. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị A và anh Đ có 01 con chung là Phạm Võ Nam K sinh năm 2020. Khi ly hôn chị A nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi con; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Huyền A và anh Phạm Văn Đ; về con chung, giao con Phạm Võ Nam K cho chị A nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì nơi bị đơn cư trú, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị A và anh Đ được UBND xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (nay là phường An Hải, thành phố Hải Phòng) cấp chứng nhận kết hôn số 44 ngày 10/9/2020 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp và ly thân. Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A .

[4] Về con chung: Chị A và anh Đ có con như chị A trình bày ở trên là đúng. Việc chị A nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi con Phạm Võ Nam K là bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Huyền A và anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Giao con Phạm Võ Nam K sinh ngày 06/10/2020 cho chị Võ Thị Huyền A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị Huyền A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 3738 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường An Hải, TP Hải Phòng (ĐKKH số 44/2020);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng